

GIỚI THIỆU DANH NHÂN TRIẾT HỌC

PHẠM TRÙ “QUAN TÂM” TRONG TƯ TƯỞNG NỮ QUYỀN CỦA NEL NODDINGS

NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG (*)

Nel Noddings là nhà tư tưởng khai sinh đạo đức học nữ quyền hiện đại. Trên cơ sở nhận thức có phê phán những hạn chế của truyền thống đạo đức học phương Tây, Noddings đã kiến tạo một lý thuyết đạo đức mới dựa trên mô hình hệ quan tâm. Qua sự kiến giải của Nel Noddings, “quan tâm” đã trở thành một phạm trù cốt lõi thể hiện rõ đặc trưng của cách tiếp cận nữ quyền trong đạo đức học.

Pham trù “quan tâm” (care/caring) chiếm giữ một vị trí trung tâm trong đạo đức nữ quyền phương Tây hiện đại. Nhà nghiên cứu R.E.Groenhout nhận định: “Đường như đối với tôi, một sự chuyển biến về hình ảnh trong đạo đức học trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Giờ đây, thay vì bắt đầu với vấn đề làm thế nào có thể chấm dứt tình trạng bị đối xử tàn bạo của người khác, thì có lẽ chúng ta nên chú trọng đến vấn đề khi và tại sao con người phải quan tâm đến nhau”(1). Thực tế cho thấy, sự quan tâm là một phần thiết yếu trong đời sống của mỗi con người. Nói cách khác, chúng ta không thể sống một cuộc đời trọn vẹn nếu thiếu vắng sự quan tâm. Chính việc đặt sự quan tâm vào trung tâm của đời sống đạo đức đã tạo cơ sở cho sự xuất hiện của lý thuyết điển hình của cách tiếp cận nữ quyền trong đạo đức học – lý thuyết đạo đức về quan tâm (ethics of care).

Về phương diện lịch sử, khái niệm “quan tâm” hầu như vẫn còn khá xa lạ đối với đạo đức học phương Tây cho đến khi Carol Gilligan đề xuất cái gọi là “tiếng nói của quan tâm” (voice of care) trong tác phẩm *Từ một tiếng nói khác* (In A different voice, 1982). Ngày nay, nhiều học giả nữ quyền khẳng định, “quan tâm” là phạm trù đạo đức học thể hiện tập trung nhất thể nghiệm đặc thù của nữ giới.

Trong khuôn khổ của đạo đức học nữ quyền hiện đại, nhà tâm lý học Carol Gilligan là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ “quan tâm” khi nghiên cứu về sự khác biệt giới trong phương thức suy luận đạo đức. Khi phản tư về mô

(*) Nghiên cứu sinh, Khoa Triết học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) R.E.Groenhout. *Connected Lives: Human Nature and an Ethics of Care* (Những cuộc đời kết nối: Bản tính con người và lý thuyết đạo đức về quan tâm). Nxb Rowman and Littlefield, Hoa Kỳ, 2004, tr.13 (tiếng Anh).

hình phát triển đạo đức của Lawrence Kohlberg, Gilligan phát hiện rằng, có một sự khác biệt nhất định về phương thức suy luận đạo đức giữa các giới tính. Theo bà, nam giới thường sử dụng “tiếng nói của công lý” để tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề đạo đức, trong khi nữ giới có xu hướng sử dụng “tiếng nói của quan tâm”. Công lao của Gilligan thể hiện ở chỗ, bà đã khơi gợi một vấn đề mà lâu nay người ta vẫn nghĩ là không cần thiết và vô bổ. Những ý tưởng ban đầu của Gilligan về sự quan tâm đã được các học giả nữ quyền hiện đại, trong đó nổi bật nhất là Nel Noddings, triển khai một cách phong phú để xây dựng thành phạm trù đặc trưng nhất của đạo đức học nữ quyền.

Trong các nghiên cứu của mình, N.Noddings đã xuất phát từ góc độ bản thể luận về tính liên hệ (ontology of relationality) để phân tích khái niệm quan tâm. Bà khẳng định rằng, mối liên hệ và những phản ứng tình cảm của tác nhân tham gia vào các mối liên hệ ấy là một sự kiện căn bản của tồn tại người. Bản tính của con người thể hiện trong vô số mối liên hệ mà con người tham gia vào đó, và ngược lại, mối liên hệ cũng được xem là thuộc tính có sẵn của con người với tư cách một con người. N.Noddings viết: “Chúng ta không phải là những cây nấm mọc trên đất; chúng ta sinh ra trong mối liên hệ và cùng lớn lên trong mối liên hệ. Tất nhiên tôi không cô đơn. Tôi tồn tại trong một mối liên hệ mà từ đó tôi tìm thấy nguồn sống và hướng đi của mình... Tính cá biệt thực sự của tôi được định nghĩa trong một mạng lưới các mối liên hệ. Đây là thực tại căn bản của tôi”(2).

Nhận thức rõ vai trò của các mối liên hệ như là phương thức tồn tại của con người, N.Noddings đặc biệt nhấn mạnh “mối liên hệ quan tâm” và xem đó là “cơ sở chung nhất của đạo đức”(3). Mượn cách diễn đạt của M.Heidegger, có thể hiểu rằng, tồn tại-trong-liên-hệ (being-in-relation) không chỉ là đặc tính tự nhiên mang tính bản thể, mà còn hàm chứa một ý nghĩa đạo đức sâu sắc. Nghĩa là, một cá nhân nhất định sẽ không thể trở thành một thực thể đạo đức hoàn thiện trong “trạng thái cô lập”, mà tất yếu phải thông qua việc tham dự một cách có trách nhiệm vào tổng hòa các mối quan hệ quan tâm. Nói cách khác, mối liên hệ quan tâm chính là một thành tựu đạo đức quan trọng của tồn tại người. Ở điểm này, chúng tôi cho rằng, N.Noddings đã vô cùng khéo léo và tinh tế khi chuyển hóa từ lập trường của bản thể luận liên hệ thành đạo đức học liên hệ.

Trên cơ sở bản thể luận về tính liên hệ, N.Noddings nhấn mạnh ý nghĩa thiết yếu của sự quan tâm; bởi vì, ngay từ khi sinh ra “chúng ta đã hoàn toàn lệ thuộc vào sự quan tâm của người khác (trong đó, trước hết và quan trọng nhất là sự quan tâm của người mẹ – TG.)”(4). Tình trạng lệ thuộc hoàn toàn ấy, theo N.Noddings, chính là “diễn kiện ban đầu (original condition) của tồn tại

(2) Nel Noddings. *Caring (Quan tâm)*. Berkeley, University of California Press, California, 1984, tr.51 (tiếng Anh).

(3) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.3.

(4) Nel Noddings. *The challenge to care in schools: An alternative approach to education (Thách thức đối với quan tâm trong nhà trường: Một cách tiếp cận có tính đối chọn về giáo dục)*. Teachers College Press, New York, 1992, tr.45 (tiếng Anh).

người"(5). Tuy nhiên, bà cho rằng, nền đạo đức học hiện hành chỉ luận bàn rộng rãi bằng một thứ *ngôn ngữ của người cha*, của nguyên tắc và định lý (propositions) với những đặc tính phổ quát, vô tư và công chính. *Tiếng nói của người mẹ* đã bị lãng quên. Sự quan tâm hay ký ức về sự quan tâm và trạng thái được quan tâm mới chính là cơ sở của đạo đức(6).

Chịu ảnh hưởng của lập trường hiện tượng học, quan tâm với tính cách mối liên hệ căn bản của tồn tại người đã được N.Noddings kiến giải một cách khá độc đáo theo "phác đồ chè đổi" (dyadic schema).

Trước hết, theo N.Noddings, mối liên hệ quan tâm chỉ hoàn thành khi được kết hợp từ hai nhân tố: *Chủ thể quan tâm* (one-caring) và *khách thể quan tâm* (the cared-for), trong đó, chủ thể quan tâm phải luôn bày tỏ sự chăm chú (engrossment) và sự di chuyển động lực (motivational displacement), còn khách thể quan tâm phải hồi đáp sự quan tâm đó bằng nhiều cách khác nhau(7).

Thuật ngữ "chăm chú" thể hiện khá rõ nét cái nhìn hiện tượng học của N.Noddings. Theo bà, chăm chú dùng để nói đến quá trình tập trung suy tư của chủ thể hướng về một sự vật hay một người nào đó nhằm đạt được hiểu biết sâu sắc hơn. Thực chất, chăm chú là một hình thái của sự đồng cảm (feeling with) với người khác. Nó là điều kiện thiết yếu cho mối liên hệ quan tâm, bởi vì, trạng huống hiện hữu của mỗi cá nhân phải được hiểu trước khi người quan tâm có thể lựa chọn hành động một cách thích hợp. Do đó, N.Noddings nhấn mạnh, "về căn bản,

bất cứ mối liên hệ quan tâm nào cũng đều dính dáng đến sự chăm chú"(8). Tuy nhiên, N.Noddings cũng lưu ý rằng, sự chăm chú không thể tự nó tạo thành mối liên hệ quan tâm, mà nhất thiết phải kết hợp với một yếu tố khác, đó là "dịch chuyển động lực". Quá trình này xuất hiện khi hành vi của chủ thể quan tâm bị quy định bởi những nhu cầu của khách thể quan tâm. N.Noddings viết: "Khi tôi quan tâm, khi tôi nhận thức người khác thông qua thảo luận, thì dường như có một cái gì đó nhiều hơn sự cảm nhận; ở đó còn diễn ra một sự biến đổi về động lực. Nguồn động lực của tôi tuôn chảy hướng đến người khác và có lẽ, mặc dù không nhất thiết, hướng đến cứu cánh của họ. Tôi không chối bỏ chính mình; tôi không thể biện minh cho bản thân về những gì tôi đã làm, nhưng tôi có thể cho phép nguồn động lực của tôi được chia sẻ; tôi đặt nó vào tư cách phục vụ cho người khác"(9).

Trong phân tích của N.Noddings, chăm chú và dịch chuyển động lực là hai điều kiện không thể thiếu để tạo thành mối liên hệ quan tâm. Trên cơ sở phân tích đó, N.Noddings xây dựng một điển hình của mối liên hệ quan tâm xoay quanh trung tâm của nó là tình mẫu tử. Với N.Noddings, sự quan tâm như nảy sinh từ bản năng của người mẹ, "về thực chất là yếu tố phi duy lý

(5) Nel Noddings. *Starting at Home: Caring and Social policy* (*Khởi đầu từ gia đình: Quan tâm và chính sách xã hội*). California: University of California Press, Berkeley & Los Angeles, 2002, tr.121 (tiếng Anh).

(6) Xem: Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.1.

(7) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.69.

(8) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.17.

(9) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.33.

trong đó đòi hỏi một sự chăm chú và di chuyển động lực"(10). Về điều này, Ann Diller bình luận: "Noddings đã gắn một cách không úp mở mối liên hệ quan tâm với mối liên hệ mẹ - con, xem đó như là hình mẫu trọng tâm cho hiểu biết liên quan đến cái gì được đòi hỏi trong những hành động, những thể nghiệm và những suy tính về sự quan tâm và về đối tượng quan tâm"(11).

Từ mối liên hệ mẫu tử, N.Noddings còn mở rộng sự quan tâm ra những mối liên hệ khác. Tuy nhiên, cái gọi là "những mối liên hệ khác" ở đây không bao quát *toàn bộ* *mỗi* *liên* *hệ* *người*, mà chỉ giới hạn trong những mối liên hệ cụ thể và trực diện được đặc trưng bởi sự thân tình và tính chất gần gũi về mặt không - thời gian như vợ chồng, thầy - trò, bạn bè, và đồng nghiệp... Mỗi liên hệ quan tâm không diễn ra một chiều, mà đó là mối liên hệ có tính "tương hỗ", được xác định trong cả *cho* và *nhận*. Chủ thể quan tâm luôn thể hiện sự chăm chú và dịch chuyển động lực đến đối tượng quan tâm, đồng thời đối tượng quan tâm phải chủ định tiếp nhận sự quan tâm đó như thế nào. N.Noddings nhấn mạnh rằng, một trong những vấn đề cần bám cần phải được thảo luận khi xem xét mối liên hệ quan tâm đó là "tính tương hỗ" (*reciprocity*) của nó. Theo bà, tính tương hỗ nghĩa là đối tượng quan tâm tiếp nhận sự quan tâm từ chủ thể quan tâm và hưởng ứng lại sự quan tâm đó một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. N.Noddings viết: "Hoặc bằng sự phản/hưởng ứng trực tiếp với chủ thể quan tâm hoặc bằng niềm hân hoan tự phát mà đối tượng quan tâm cảm nhận được. Mỗi

liên hệ quan tâm chỉ được hoàn thành khi đối tượng quan tâm tiếp nhận sự quan tâm"(12). Nghĩa là, khi nhu cầu (của đối tượng quan tâm) được thông hiểu và đáp ứng, thì sự quan tâm (của chủ thể quan tâm) sẽ hoàn thành và do đó, mối liên hệ quan tâm cũng được thiết lập, duy trì và phát triển.

Dựa trên tính chất tương hỗ trong mỗi liên hệ quan tâm, N.Noddings đã phân chia quan tâm thành hai dạng thức: "Caring-for" và "caring-about". Đây là hai khái niệm có liên quan với nhau, đều dùng để chỉ hành động quan tâm của chủ thể dành cho khách thể, song lại khác biệt về đối tượng nhận sự quan tâm đó. Nếu như "caring-for" dành cho đối tượng là những người nhận được sự quan tâm và hồi đáp sự quan tâm đó, thi "caring-about" chỉ diễn ra khi chủ thể quan tâm đến các đối tượng là "những người xa lạ, những sự vật vô tri, và những ý niệm". Khi chúng ta nói rằng, quan tâm đến các vấn đề giáo dục thi sự quan tâm ở đây được hiểu trong ngữ cảnh của "caring-about".

N.Noddings khẳng định, "caring-about" thực chất không phải là mối liên hệ quan tâm theo đúng nghĩa hay nói cách khác, chỉ là "người họ hàng tội nghiệp" của "caring-for"; bởi vì, trong mỗi liên hệ đó, không có "tính tương hỗ". Bà diễn giải: "Tôi có thể quan tâm ('care about') đến những đứa trẻ đối khố

(10) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.25.

(11) Ann Diller. "Review: The Ethics of Care and Education: A New Paradigm, Its Critics, and Its Educational Significance" (Điểm sách: Lý thuyết đạo đức về quan tâm và giáo dục: Một hệ chuẩn mới, những phê bình và ý nghĩa giáo dục của nó). *Curriculum Inquiry*, t.18, số 3, tr.331 (tiếng Anh).

(12) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.181.

ở Cambodia, gửi 5\$ cho việc cứu trợ và cảm thấy phần nào thỏa mãn với hành động ấy. Tuy nhiên, tôi thậm chí không biết liệu những đồng tiền cứu trợ của tôi đã được dùng để mua thức ăn, mua vũ khí, hay một chiếc Cadillac cáu cạnh cho các chính trị gia. Đó chẳng phải là sự quan tâm đúng nghĩa bởi lẽ thiếu vắng sự hồi đáp"(13). Ở điểm này, nhà nghiên cứu Hoagland cho rằng, thật không thích hợp và khó giải thích khi một lý thuyết đạo đức đã gạt bỏ sự quan tâm đến những người nghèo khổ ở những miền xa xôi ra khỏi phạm vi của xem xét đạo đức. Điều đó rất dễ dẫn người ta đến suy nghĩ rằng một lý thuyết đạo đức như thế làm sao có thể cung cấp lời giải cho các vấn đề mang tính toàn cầu. Đó là lý do giải thích vì sao nó chỉ nên là "lý thuyết đạo đức mang tính khu vực" (local ethic).

N.Noddings còn phân chia sự quan tâm thành "quan tâm tự nhiên" (natural caring) và "quan tâm đạo đức" (ethical caring). Quan tâm tự nhiên là "mỗi quan hệ trong đó chúng ta phản ứng như là người quan tâm một cách tự nhiên"(14). Phản ứng tình cảm của chúng ta trong quan tâm tự nhiên là mang tính bẩm sinh. Chẳng hạn, người mẹ quan tâm đến con cái của mình là một biểu hiện của quan tâm tự nhiên. Ngay cả loài vật cũng có "đặc tính tự nhiên" này. Còn quan tâm đạo đức là "mỗi quan hệ trong đó chúng ta gặp gỡ người khác một cách đạo đức". N.Noddings tán thành ý niệm của I.Kant xem hành vi đạo đức được thực hiện vì *nghĩa vụ* chứ không phải vì tình yêu. Bà lưu ý rằng, sự quan tâm đạo đức và sự quan tâm tự nhiên không có sự phân biệt về cấp

độ/trình độ, bởi chúng đều có giá trị như nhau. Cái trước bao giờ cũng được nuôi dưỡng trên cơ sở cái sau, cũng giống như ý thức nghĩa vụ (đạo đức) được phát xuất từ tình yêu. N.Noddings viết: "Chúng ta yêu thương không phải bởi vì chúng ta buộc phải yêu thương mà là do mỗi quan hệ tự nhiên của chúng ta đã hàm chứa tình yêu thương. Chính tình yêu thương hay quan tâm tự nhiên này đã tạo ra những khả năng đạo đức"(15). Ở đây, chúng tôi cho rằng, N.Noddings đã đứng trên lập trường duy cảm để trả lời cho vấn đề động lực của hành vi đạo đức. Bà không đặt đạo đức trên tính duy lý như cách hiểu phổ biến của truyền thống đạo đức học, mà xuất phát từ những đặc tính xúc cảm tự nhiên mang tính bản năng (tất nhiên những đặc tính này thể hiện rõ nét nhất ở người mẹ). Ở mức độ nhất định, có thể hiểu được cái lý của N.Noddings; bởi vì, trên thực tế, có những trường hợp chúng ta không thể giải thích một cách rõ ràng về vấn đề liệu xung lực bản năng hay là cảm thức về bốn phận mối chính là cái đã thôi thúc chúng ta hành động.

N.Noddings đặc biệt chú ý đến cái mà bà gọi là "lý tưởng đạo đức" (ethical ideal) - "bức tranh đẹp nhất của chúng ta về chính bản thân mình với tính cách là người quan tâm sẽ dẫn chúng ta khi muốn gặp gỡ người khác từ phương diện đạo đức"(16). N.Noddings xem lý tưởng đạo đức như là một chỉ dẫn hữu ích cho hành động đạo đức của con người, đồng

(13) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.112.

(14) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.5.

(15) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.43.

(16) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.5.

thời, là phương tiện để xóa bỏ thâm quyền của các nguyên tắc đạo đức phổ quát. "Tính có thể phổ quát hóa" (universifiability) được N.Noddings diễn giải như sau: "Nếu tôi phải làm điều x trong những điều kiện nhất định, khi ấy trong những điều kiện tương tự như thế, tôi cũng buộc phải làm điều x"(17). Xuất phát từ "vấn đề" đó, N.Noddings đi đến kết luận quan trọng: Mặc dù các nguyên tắc "có thể phổ quát hóa" rất hữu ích trong việc hướng dẫn chúng ta tư duy về các vấn đề đạo đức trừu tượng, song chúng không thể mách bảo cho chúng ta lối cư xử đạo đức (thích hợp) trong những hoàn cảnh cụ thể"; bởi vì, khi cố gắng xác định "điểm tương đồng" (sameness) của nhiều tình huống đạo đức cụ thể này sinh, "chúng ta thường bỏ sót những nét đặc trưng hay những nhân tố có thể mang đến lời giải đáp cho các vấn đề đạo đức trong tình huống đó"(18).

Nhìn từ góc độ của tính bối cảnh, N.Noddings nhấn mạnh một thực tế là mỗi con người đều sống/thể nghiệm trong/với hoàn cảnh riêng biệt của mình, nên bất cứ một hành động hay một quan điểm có thể tốt với người này, nhưng chưa chắc đã tốt với người khác. Nhưng, dường như N.Noddings không muốn bị quy kết vào lập trường của chủ nghĩa tương đối đạo đức nên đã bổ sung thêm rằng, "điều đó không ném chúng ta vào chủ nghĩa tương đối, bởi vì, ngay trong tâm điểm của lý tưởng (đạo đức) chứa đựng một ý nghĩa phổ quát: Nuôi dưỡng mối liên hệ quan tâm"(19).

Trên cơ sở phát triển nội dung lý luận của khái niệm "quan tâm", N.Noddings còn tìm cách ứng dụng nó

vào lĩnh vực giáo dục, trước hết là giáo dục đạo đức. Bà khẳng định: "Giáo dục đạo đức là một phần thiết yếu của lý thuyết đạo đức nữ quyền dựa trên sự quan tâm"(20). Đó là cách thức hữu hiệu nhất để kiến tạo cái gọi là "xã hội quan tâm" (caring society) và "khơi dậy (nơi con người – TG.) năng lực thấu hiểu không chỉ về bản thân, mà còn về người khác"(21).

Với tư cách một nhà triết học, một nhà giáo dục, N.Noddings rất hứng thú với vấn đề làm thế nào để giáo dục con người trở thành *con người đạo đức*. Xuất phát từ cách tiếp cận xem mối quan hệ quan tâm như là mối quan hệ mang tính đạo đức, trong đó, người quan tâm (the one-caring) có một mục tiêu cao cả, đó là "gìn giữ nuôi dưỡng sự quan tâm đến bản thân mình và đến những người mà mình có mối liên hệ gần gũi và thân tình. Một cách khá tự nhiên, điều này trở thành mục tiêu hàng đầu của những bậc làm cha mẹ và rộng hơn là của giáo dục nói chung"(22). Từ cách hiểu trên, không khó để hiểu được vì sao N.Noddings lại đề xuất rằng, mọi thiết chế giáo dục, nhất là hệ thống trường học phải được tổ chức để làm sao nuôi dưỡng, duy trì và phát triển mối liên hệ quan tâm(23).

Một trong những đề xuất táo bạo nhất của N.Noddings thể hiện ở chỗ, giá

(17) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.84.

(18) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.85.

(19) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.85.

(20) Nel Noddings. *Educating Moral People (Giáo dục con người đạo đức)*. Columbia University, New York & London, 2002, tr.15 (tiếng Anh).

(21) Nel Noddings. *Sđd.*, 2002, tr.15.

(22) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.172.

(23) Nel Noddings. *Sđd.*, 1984, tr.172.

trí đạo đức của phạm trù sự quan tâm cần và hơn thế nên được tích hợp vào nội dung chương trình giáo dục đạo đức trong nhà trường. Qua lăng kính của đạo đức nữ quyền, có thể suy luận rằng, chương trình giáo dục không nên chỉ chú trọng đào tạo chuyên môn, mà còn rèn luyện những con người biết quan tâm (đến bản thân và người khác). Theo N.Noddings, thay vì đầu tư toàn bộ nguồn lực cho việc giảng dạy môn toán và các môn khoa học khác, mục tiêu chính của giáo dục nên nhắm đến khuyến khích phát triển năng lực của những con người toàn diện, biết quan tâm và đồng cảm.

Sứ mệnh của nhà trường, do đó, cũng phải được điều chỉnh theo hướng dạy cho người học tri thức về cái gì “đúng”, cái gì “sai”, đồng thời mách bảo họ cách quan tâm và nhận sự quan tâm. Trong *Giáo dục con người đạo đức*, N.Noddings khẳng định rằng, bước vào thế kỷ XXI, những mối quan hệ người phải được đặt lên ưu tiên hàng đầu trong nỗ lực đạo đức và trí tuệ. Nhà trường có thể thực hiện vai trò đó bằng việc hướng dẫn cho người học cách quan tâm (đến bản thân và người khác) và nhận sự quan tâm(24).

Bà đề xuất rằng, trước hết, “chúng ta phải học làm thế nào để đón nhận sự quan tâm (của người khác), làm thế nào để hưởng ứng tình yêu thương trong sự quan tâm theo hướng khuyến khích, tán đồng sự quan tâm đó. Một đứa trẻ phải học cách mỉm cười với những người quan tâm đến nó, và điều này sẽ tạo ra sự vui thích rất lớn ở người quan tâm, khích lệ họ nỗ lực nâng cao năng lực quan tâm để tạo ra niềm vui cho người

khác. Chủ thể quan tâm và khách thể quan tâm đều tham gia vào một mối liên hệ quan tâm lẫn nhau đầy viên mãn”(25). Tiếp đó, một đứa trẻ còn phải học cách quan tâm đến người khác (chẳng hạn, học cách giúp đỡ bố mẹ công việc nhà, học cách quan tâm đến những người xung quanh...).

Để thực hiện mục đích giáo dục đạo đức, N.Noddings đã đề xuất bốn yếu tố căn bản tham gia vào quá trình nuôi dưỡng lý tưởng đạo đức về sự quan tâm, đó là: *Tạo hình mẫu* (modeling), *đối thoại* (dialogue), *thực hành* (practice), *chứng thực* (confirmation). Đây cũng chính là những phương pháp cần thiết để xây dựng và duy trì mối liên hệ, mối quan tâm giữa người và người.

Qua những kiến giải đạo đức khá thú vị của N.Noddings, chúng tôi cho rằng, những ý tưởng gợi mở mang tính phương pháp luận cho việc ứng dụng trên đây cho thấy nỗ lực rất lớn của các nhà triết học mong muốn lý thuyết của mình trở nên thiết thực với cuộc sống. Tất nhiên, một vài ý tưởng của N.Noddings đưa ra còn thiếu tính thực tế và “mang màu sắc lăng man chủ nghĩa” (như nhận xét của Rosaline E.Ladd), song ở mức độ nhất định, phải thừa nhận rằng, những ý tưởng gợi mở của bà về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức là rất đáng suy ngẫm nhằm hướng đến đào tạo những con người có khả năng tham gia một cách chủ động và tích cực hơn vào mạng lưới các mối quan hệ người trong xã hội hiện đại. □

(24) Xem: Nel Noddings. *Sđd.*, 2002, tr.38.

(25) Nel Noddings. *Sđd.*, 2002, tr.15.